

Working Paper 2022.2.3.09
- Vol 2, No 3

TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH ĐẾN GIẢM NGHÈO Ở CÁC QUỐC GIA CHÂU Á

**Trần Tuyên Khâm¹, Nguyễn Hoàng Khương Duy, Nguyễn Nhật Anh,
Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Lê Trung Dũng**
Sinh viên K59CLC3 - Kinh tế đối ngoại
Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Thị Mai
Giảng viên Bộ môn Khoa học cơ bản
Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Giảm nghèo từ lâu đã là vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu. Phát triển tài chính là một trong những nhân tố góp phần quan trọng đến khả năng giảm nghèo của một quốc gia. Tuy nhiên, đến nay thì kết quả nghiên cứu về tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo vẫn chưa được thống nhất và còn khoảng trống để nghiên cứu. Đặc biệt, nhiều nghiên cứu gần đây quan tâm đến tác động cụ thể của phát triển tài chính theo hướng định chế và theo hướng thị trường đến giảm nghèo. Để đánh giá sâu hơn các tác động này, nhóm tác giả đã sử dụng dữ liệu của 37 quốc gia châu Á trong giai đoạn 1996-2019 với phương pháp System GMM. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng phát triển tài chính (về cả định chế và thị trường) tác động tích cực đến giảm nghèo.

Từ khóa: phát triển tài chính, giảm nghèo, system GMM, châu Á

FINANCIAL DEVELOPMENT AND POVERTY REDUCTION IN ASIAN COUNTRIES

Abstract

Poverty reduction has long been an issue attracting much attention of scholars. Financial development has been shown to be one of the important factors contributing to reduce poverty. However, the impact of financial development on poverty reduction is still controversial among researchers and there is still a research gap. In particular, many recent studies focus on the impact of financial institutions and financial markets development on poverty reduction. To further assess this impact, the research team used data from 37 Asian countries for the period 1996-2019 with the System GMM method. Results show that financial development (in both institutions and markets) has a positive impact on poverty reduction.

¹ Tác giả liên hệ, Email: trantuyenkham2011155227@ftu.edu.vn

1. Giới thiệu

Nghèo luôn là một bài toán xã hội phổ biến và dai dẳng khiến hầu hết các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển phải cấp bách tìm kiếm lời giải. Theo UN (2022), Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững đã được Đại hội đồng phê duyệt bao gồm 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), trong đó “Không nghèo” là mục tiêu được đặt lên hàng đầu. Vì thế các hành động nhanh chóng mang tính quyết định cần được thực hiện để đạt được mục tiêu trên. Cụ thể, những tổ chức thế giới như WB, IMF luôn tích cực ủng hộ xóa nghèo thông qua các bài viết tuyên truyền trên trang chính thống và được dịch ra thành nhiều ngôn ngữ và các hoạt động thực tiễn lồng ghép tiêu chí giảm nghèo.

Một số lý thuyết lại đề xuất rằng phát triển tài chính có thể dẫn đến nghèo. Lý thuyết của Stiglitz và Weiss (1981), Jalilian và Kirkpatrick (2002) cho rằng điều này đến từ sự khuyết tật và không hoàn hảo của thị trường tài chính được thể hiện qua lựa chọn đối nghịch, rủi ro đạo đức và bất cân xứng thông tin. Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác xem xét thêm yếu tố khác khi đánh giá tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo cũng kết luận rằng phát triển tài chính không giúp giảm nghèo như nghiên cứu của Fowowe và Abidoye (2013), Kaidi et al. (2019) và Ndlovu và Toerien (2020). Bên cạnh đó, một số học giả đã gặp phải hiện tượng mẫu không đồng nhất (sample heterogeneity) do chọn một nhóm nhiều quốc gia nhưng chưa chú ý đến điểm chung giữa chúng như: trình độ phát triển kinh tế (Jalilian and Kirkpatrick 2002, 2005; Beck và cộng sự, 2007), vị trí địa lý (các nghiên cứu chọn theo nhóm quốc gia theo mức thu nhập, theo trình độ phát triển). Honohan (2004) đã mắc phải hiện tượng này do hồi quy dữ liệu chéo của tác giả chưa kiểm soát hiệu ứng cụ thể của quốc gia chưa quan sát (unobserved country-specific effects). Tuy Jeanneney and Kpodar (2011a) đã khắc phục khuyết điểm này bằng cách dùng ước lượng System-GMM cho mẫu chỉ gồm các quốc gia đang phát triển nhưng họ lại chưa thêm biến trễ của biến phụ thuộc vào các biến giải thích của mô hình (Rashid và Intartaglia, 2017).

Thước đo hai biến chính của chủ đề nghiên cứu cũng là một vấn đề khiến kết quả của một số nghiên cứu trước chưa hoàn toàn đáng tin tưởng. Đối với phát triển tài chính, nhiều nghiên cứu chưa dùng đủ thước đo để thể hiện các thành phần con (độ sâu, độ tiếp cận, hiệu quả, độ ổn định) hoặc chưa thể hiện được hai phương diện phát triển tài chính (định chế tài chính và thị trường tài chính) mà chỉ chủ yếu tập trung vào độ sâu tài chính. Một số nghiên cứu gần đây đã chú ý đến vấn đề này như nghiên cứu của Rewilak (2017), De Haan và cộng sự (2021) nhưng kết quả vẫn chưa thống nhất. Đối với nghèo, tuy nghèo tuyệt đối được chú ý nhiều nhưng nghèo tương đối và nghèo đa chiều vẫn chưa nhận được nhiều sự quan tâm trong các nghiên cứu về tác động của phát triển tài chính lên giảm nghèo.

Quan điểm của các học giả về tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo vẫn chưa thống nhất với nhau. Dù quan điểm chủ đạo là phát triển tài chính dẫn đến giảm nghèo nhưng các quan điểm khác vẫn có nhiều bằng chứng thuyết phục. Vì thế, sự phát triển tài chính có tác động như thế nào đối với việc giảm nghèo vẫn là câu hỏi cần được kiểm định lại. Ngoài ra, tác động cụ thể của 2 hướng phát triển tài chính (hướng ngân hàng và hướng thị trường) đến giảm nghèo cũng chưa thống nhất và cần được xem xét lại. Sự chưa thống nhất trong các kết luận về tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo, sự thay đổi của bối cảnh thế giới sau khủng hoảng tài chính thế giới và sự chưa quan tâm chưa đầy đủ về các quốc gia ở châu Á đã để lại khoảng trống nghiên cứu cần được làm rõ. Từ đó, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu này.

2. Tổng quan lý thuyết về phát triển tài chính và giảm nghèo

2.1. Lý thuyết về phát triển tài chính

Phát triển tài chính

Phát triển tài chính chưa có định nghĩa thống nhất. Cihak và cộng sự (2012) cho rằng ở mức độ cơ bản phát triển tài chính diễn ra khi các công cụ tài chính, thị trường và trung gian giảm thiểu - mặc dù không nhất thiết loại bỏ - ảnh hưởng của thông tin không hoàn hảo, chi phí thực thi hạn chế và giao dịch.

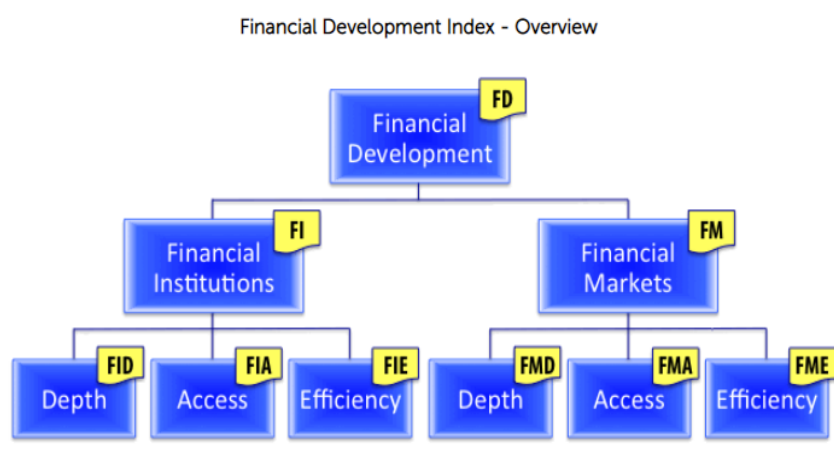
Dekle và Pundit (2016), Pradhan và cộng sự (2014), Bui (2020) cho rằng phát triển tài chính phản ánh sự cải thiện trong chiều sâu, khả năng tiếp cận và hiệu quả ở cả định chế tài chính và thị trường tài chính, với 2 đại diện là hệ thống ngân hàng và thị trường chứng khoán. Qua đó, phát triển tài chính đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế bên cạnh các biến số vĩ mô như GDP. Tuy nhiên, Cihak và cộng sự (2012) cho rằng hệ thống tài chính nên được phản ánh qua 4 phương diện ngoài chiều sâu, khả năng tiếp cận, tính hiệu quả thì còn có độ ổn định của các định chế tài chính và thị trường tài chính.

Như vậy, từ những định nghĩa trên, có thể hiểu phát triển tài chính là giảm thiểu chi phí phát sinh, rủi ro trong hệ thống tài chính và có khả năng được phản ánh đầy đủ nhất theo 4 chiều về quy mô, hiệu quả, khả năng tiếp cận và tính ổn định hệ thống tài chính thông qua các định chế tài chính và thị trường tài chính.

Đo lường sự phát triển tài chính

Đo lường phát triển tài chính đóng vai trò rất quan trọng để đánh giá sự phát triển của khu vực tài chính và hiểu được tác động của phát triển tài chính đối với tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo.

Báo cáo về phát triển tài chính toàn cầu (2013) của WB (2012) cho rằng việc đo lường sự phát triển tài chính một cách trực tiếp rất khó để thực hiện. Thay vào đó, phát triển tài chính được phản ánh qua đo lường bốn khía cạnh của hệ thống tài chính (độ sâu, khả năng tiếp cận, hiệu quả và sự ổn định) cho các tổ chức tài chính và thị trường tài chính. Điều này tương tự với đề xuất của IMF và nhóm tác giả sử dụng phương pháp đo lường này để đánh giá được cả hai hướng phát triển tài chính (phát triển định chế tài chính và phát triển thị trường tài chính).



Hình 1. Bộ chỉ số FD đo lường phát triển tài chính của IMF (2015)

Nguồn: IMF (2015) dựa trên nghiên cứu của Cihak và cộng sự (2012)

2.2. Lý thuyết về nghèo

2.2.1. Định nghĩa nghèo

Định nghĩa và phương pháp đo lường nghèo luôn là mối quan tâm khiến nhiều nhà nghiên cứu tranh cãi, tuy nhiên chưa có sự thống nhất.

Theo WB (2000), “nghèo đói rõ ràng là sự thiếu thốn về phúc lợi”, trong đó “phúc lợi” có thể tiếp cận theo nhiều hướng như sự tự chủ về tài nguyên hay đáp ứng đủ một số tiêu chuẩn cụ thể. Nhằm thống nhất định nghĩa nghèo để có thể so sánh giữa các quốc gia và hướng tới mục tiêu “Không nghèo” - mục tiêu được đặt hàng đầu trong 17 mục tiêu phát triển bền vững. Liên hợp quốc và WB đã định nghĩa nghèo dựa trên các mức chuẩn nghèo quốc tế, “mức sống mỗi ngày dưới \$1.90” là yếu tố được sử dụng phổ biến trong thời điểm hiện tại (Jolliffe và Prydz, 2016). Những định nghĩa này cho thấy rằng vì nghèo đói ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh của tình trạng con người, bao gồm cả thể chất, đạo đức và tâm lý, nên một định nghĩa ngắn gọn và được chấp nhận rộng rãi về nghèo đói là khó có thể thuyết phục.

Theo UNECE (2017), nghèo đói thường được vận hành và đo lường theo mức độ nghèo đói dựa trên thu nhập hoặc tiêu dùng. Trong đó, chuẩn nghèo có thể được xác định trên cơ sở nhu cầu tuyệt đối (ví dụ, chi phí cho một giỏ lương thực tối thiểu cộng với trợ cấp cho các nhu cầu cơ bản không phải lương thực), hoặc dựa trên các tiêu chuẩn xã hội tương đối phổ biến trong một xã hội nhất định tại một thời điểm nhất định.

2.2.2. Đo lường nghèo

Trong phạm vi đề tài này, nhóm tác giả sử dụng chỉ số Chi tiêu tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình và các tổ chức phi lợi nhuận phục vụ hộ gia đình trên đầu người để đo lường nghèo vì đây là tiêu chí được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu trước và có nhiều dữ liệu hơn so với các chỉ số khác.

Theo WB (2022a), chi tiêu tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình (HFCEPC) là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ, bao gồm cả các sản phẩm lâu bền (như ô tô, máy giặt và máy tính gia đình), được mua bởi các hộ gia đình. Nó không bao gồm tiền mua nhà nhưng bao gồm tiền thuê nhà cho những ngôi nhà do chủ sở hữu sử dụng. Nó cũng bao gồm các khoản thanh toán và phí cho các chính phủ để có được giấy phép và giấy phép. Ở đây, chi tiêu tiêu dùng của hộ gia đình bao gồm các khoản chi tiêu của các tổ chức phi lợi nhuận phục vụ các hộ gia đình, ngay cả khi được quốc gia báo cáo riêng.

Tuy nhiên, một số hoạt động kinh tế không được ghi chép như lượng sản phẩm hộ gia đình được sản xuất để sử dụng trong gia đình, doanh số bán hàng trên các thị trường không chính thức, trao đổi hàng đổi hàng và các hoạt động bất hợp pháp hoặc cố ý không được báo cáo WB (2022b).

2.3. Lý thuyết về vai trò của phát triển tài chính đến giảm nghèo

2.3.1. Lý thuyết phát triển tài chính dẫn đến nghèo

Về mặt lý thuyết, đã có nhiều trường phái đưa ra những lý lẽ dẫn đến những kết luận trái ngược nhau về sự ảnh hưởng của phát triển tài chính đến giảm nghèo ở các mức độ phát triển kinh tế khác nhau. Các nhà lý thuyết như Stiglitz và Weiss (1981), Jalilian và Kirkpatrick (2002) cho rằng phát triển tài chính sẽ gia tăng tỷ lệ nghèo tại các nước đang phát triển. Tác giả lập luận rằng sự khuyết tật và không hoàn hảo của thị trường tài chính có mức độ cao ở các nước

đang phát triển, thể hiện qua các hiện tượng như lựa chọn đối nghịch, rủi ro đạo đức và bất cân xứng thông tin. Chính những hiện tượng này sẽ làm hạn chế truy cập tín dụng của người nghèo, giới hạn các cơ hội kinh tế mà họ có thể tận dụng để thoát khỏi hoàn cảnh nghèo khó của mình (Galor và Zeira, 1993; Law và cộng sự, 2014). Điều này dẫn tới hiện tượng tỷ lệ nghèo vẫn gia tăng mặc dù có sự phát triển tài chính ở các nước đang phát triển. Trong khi đó, người giàu lại có thể truy cập tín dụng tốt hơn vì có khả năng cung cấp tài sản đảm bảo và khả năng trả nợ tốt hơn (Rajan và Zingales, 2003). Như vậy, đối với các nước đang phát triển, khoảng cách giàu nghèo sẽ ngày càng chênh lệch hơn dù đã có sự phát triển của thị trường tài chính. Mặt khác, đối với các nước đã phát triển, do tồn tại ít cản trở trong việc truy cập vốn của người nghèo cho các hoạt động đầu tư trở nên nhiều việc làm được tạo ra hơn, dẫn đến giảm nghèo (Aghion và Bolton, 1997; Barro, 2000; Rashid và Intartaglia, 2017).

2.3.2. Lý thuyết phát triển tài chính dẫn đến giảm nghèo

Nhiều lý thuyết lại cho rằng phát triển tài chính sẽ dẫn đến giảm nghèo (WB, 2000; Demirgüç-Kunt và Levine, 2008). Tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo thường được giải thích thông qua hai lý thuyết: Lý thuyết hiệu ứng ống dẫn (conduit effect theory) của McKinnon (1973) và lý thuyết lợi ích kinh tế nhỏ giọt (trickle-down theory) của Aghion và Bolton (1997).

Trường phái lý thuyết của McKinnon cho rằng phát triển tài chính sẽ ảnh hưởng trực tiếp giảm nghèo bằng cách giúp cho người nghèo có khả năng truy cập vốn cho các hoạt động kinh tế của họ. Cơ chế tác động trực tiếp này có thể được giải thích qua việc phát triển tài chính có thể hạn chế các hiện tượng về sự khuyết tật của thị trường như thông tin bất cân xứng và giảm chi phí giao dịch của việc vay mượn, từ đó giúp người nghèo có khả năng truy cập nguồn vốn từ các định chế tài chính. Những người nghèo từng không có khả năng vay trước đây giờ sẽ có thể truy cập tín dụng nhờ vào sự phát triển của các khu vực tài chính, tạo cho họ cơ hội để thoát khỏi hoàn cảnh nghèo khó (Clarke và cộng sự, 2006; Beck và cộng sự, 2007; Mookerjee và Kalipioni, 2010; Jalil và Feridun, 2011).

Trường phái lý thuyết thứ hai cho rằng phát triển tài chính sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến giảm nghèo thông qua tăng trưởng kinh tế. Lý thuyết lợi ích kinh tế nhỏ giọt lập luận rằng sự tăng trưởng kinh tế sẽ dẫn tới sự thành lập của nhiều doanh nghiệp hơn, các doanh nghiệp này sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn cho người nghèo, từ đó người nghèo có thể tận dụng tài năng, kỹ năng hoặc sự sáng tạo của mình để kiếm thêm thu nhập và thoát khỏi cảnh nghèo có (Kandji, 2019). Tuy nhiên, trong thực tế, hiệu quả của kênh tác động cũng tùy thuộc vào việc liệu tăng trưởng kinh tế sẽ thúc đẩy nhu cầu với lao động kỹ năng thấp hay kỹ năng cao.

2.4. Bằng chứng thực nghiệm

2.4.1. Các nghiên cứu phát triển tài chính giúp giảm nghèo

Nhiều nghiên cứu có đối tượng là nhóm quốc gia hoặc quốc gia cụ thể đã kết luận rằng phát triển tài chính dẫn đến giảm nghèo. Đây cũng là kết luận nhận được nhiều sự đồng thuận và chiếm ưu thế trong các tài liệu trước đây. Tiêu biểu cho các nghiên cứu nhóm quốc gia theo trình độ phát triển là nghiên cứu của Rewilak (2017). Nghiên cứu kết luận rằng phát triển tài chính giảm nghèo khi xem xét phát triển tài chính bằng 4 khía cạnh: độ sâu, độ tiếp cận, độ ổn định và độ hiệu quả đối với các quốc gia đang phát triển. Tuy một số nghiên cứu trước đó chưa tiếp cận đầy đủ 4 khía cạnh của phát triển tài chính nhưng các nghiên cứu này đều có kết luận

tương tự (Jalilian and Kirkpatrick 2002, 2005; Honohan, 2004; Beck và cộng sự, 2007; Jeanneney và Kpodar, 2011a,b; Sehrawat và Giri, 2016c; Zhang và Naceur, 2019).

Một số nghiên cứu khác đối với các quốc gia theo khu vực địa lý cũng khẳng định tác động tích cực của phát triển tài chính đến giảm nghèo. Một số khu vực đã được nghiên cứu có thể kể đến như: các quốc gia châu Phi (Korankye và cộng sự, 2020), các quốc gia Nam Phi (Odhiambo, 2009), các quốc gia Nam Á (Sehrawat và Giri, 2016a), các quốc gia ASEAN (Nurazia và Usman, 2019) và khu vực CFA Franc (Kiendrebeogo và Minea, 2016).

Đối với các nghiên cứu theo quốc gia cụ thể, Azam và cộng sự (2020) đã chỉ ra độ sâu tài chính có thể giảm nghèo trong dài hạn sau khi dùng mô hình tự hồi quy phân phối trễ (ARDL) với dữ liệu ở Pakistan trong giai đoạn 1975-2016. Trong nghiên cứu này, ông đã sử dụng phép phân tích thành phần chính (PCA) để xây dựng nên một chỉ số phát triển tài chính để thể hiện được nhiều thành phần hơn của sự phát triển này. Kết quả tương tự với nghiên cứu trên đối với Pakistan cũng được tìm thấy ở nghiên cứu của Shahbaz (2009), Khan và cộng sự (2012), Rehman và Shahbaz (2014).

2.4.2. Các nghiên cứu phát triển tài chính có thể không giảm nghèo

Một số nghiên cứu cho rằng phát triển tài chính không tác động đến giảm nghèo. Nghiên cứu của Seven và Coskun (2016) đã kết luận sự phát triển tài chính theo hướng ngân hàng hay hướng thị trường đều không có tác động đáng kể đến giảm nghèo. Kaidi và Mensi (2017) đánh giá tác động của phát triển tài chính thông qua hướng ngân hàng và hướng thị trường chứng khoán đến giảm nghèo. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng sự phát triển tài chính không giúp được phần nghèo nhất của mỗi xã hội trong mẫu quốc tế. Đối với các mẫu nhỏ được chọn từ mẫu quốc tế, tác động của phát triển tài chính đến bộ phận dân cư nghèo nhất thay đổi tùy vào thước đo phát triển tài chính, nhóm quốc gia được chọn và mô hình ước lượng.

Một số nghiên cứu khác xem xét thêm yếu tố khác khi đánh giá tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo cũng kết luận rằng phát triển tài chính không giúp giảm nghèo. Có thể kể đến như: nghiên cứu của Fowowe và Abidoye (2013) với yếu tố bất bình đẳng thu nhập, nghiên cứu của Kaidi và cộng sự (2020) với yếu tố chất lượng thể thể, nghiên cứu Ndlovu và Toerien (2020) với yếu tố sự mở rộng của dịch vụ tài chính.

Một số nghiên cứu khác cho rằng thước đo phát triển tài chính hoặc nghèo trong mô hình sẽ quyết định tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo. Các nghiên cứu này tiến hành đo lường sự phát triển tài chính và nghèo thông qua nhiều thước đo khác nhau và so sánh các kết quả đối với mỗi thước đo. Nghiên cứu của Donou-Adonsou và Sylwester (2016), Tsaurai (2020) chỉ ra tác động này phụ thuộc vào thước đo phát triển tài chính. Nghiên cứu của Rashid và Intartaglia (2017), Bolarinwa và cộng sự (2021b) cho rằng tác động này phụ thuộc vào thước đo nghèo (nghèo tuyệt đối hay nghèo tương đối). Cụ thể, cả hai nghiên cứu này đều kết luận rằng phát triển tài chính có thể giảm nghèo tuyệt đối nhưng không giúp giảm nghèo tương đối.

Ngoài ra, yếu tố khác cũng được chứng minh là điều kiện để phát triển tài chính có thể tác động tích cực đến giảm nghèo. De Haan và cộng sự (2021) cho rằng phát triển tài chính có thể tác động đến nghèo trực tiếp và gián tiếp thông qua bất bình đẳng thu nhập, tăng trưởng kinh tế và sự không ổn định tài chính. Tuy nhiên, tác động của phát triển tài chính lên nghèo có thể là tích cực hoặc tiêu cực tùy vào hiệu ứng gián tiếp nào mạnh hơn. Trong khi đó, Kaidi và Mensi (2020) cho rằng tùy thể chế chính trị (dân chủ hay chuyên quyền) mà sự tác động này có thể khác nhau. Cụ thể, phát triển tài chính và thể chế giúp giảm bất bình đẳng thu nhập thông qua

giảm nghèo ở các quốc gia dân chủ và điều này không được tìm thấy ở các quốc gia chuyên quyền.

2.4.3. Các nghiên cứu mối quan hệ nhân quả giữa phát triển tài chính và giảm nghèo

Yaya (2016) đã sử dụng dữ liệu thời gian trong giai đoạn 1970-2013 của 6 quốc gia châu Phi và mô hình phân tích nhân quả miền thời gian (time domain causality analysis) theo Toda và Yamamoto (1995) để nghiên cứu mối quan hệ nhân quả trên. Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại mối quan hệ nhân quả một chiều từ phát triển tài chính đến giảm nghèo ở Gabon, mối quan hệ nhân quả một chiều từ giảm nghèo đến phát triển tài chính ở Nigeria, Nam Phi và mối quan hệ nhân quả hai chiều ở Cameroon.

Kheir (2019) đã nghiên cứu mối quan hệ nói trên trong ngắn hạn và dài hạn với mô hình ARDL với dữ liệu của Ai Cập trong giai đoạn 1980-2015. Nghiên cứu kết luận rằng phát triển tài chính và giảm nghèo có mối quan hệ nhân quả hai chiều. Kết luận cũng tương đồng với các nghiên cứu trước như: Odhiambo (2010b), Ho và Odhiambo (2011), Keho (2017).

3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Kế thừa và phát triển các nghiên cứu hiện có (Rashid và Intartaglia, 2017; Bolarinwa và cộng sự, 2021b), nghiên cứu thực hiện phân tích mối quan hệ giữa phát triển tài chính và giảm nghèo theo phương trình 3.1 sau đây:

$$POV_{it} = \alpha + \beta POV_{it-1} + \delta POV_{it-2} + \gamma FDI_{it} + \theta_1 GDPPC + \theta_2 CPI + \theta_3 TRADE + \theta_4 GOVEXP + \theta_5 POP + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

$$\varepsilon_{it} = \eta_t + v_{it}$$

Trong đó:

POV_{it} là thước đo nghèo

FDI_{it} là thước đo sự phát triển tài chính của một quốc gia

Tập hợp các biến kiểm soát có ảnh hưởng đến nghèo mà lý thuyết đã đề cập bao gồm: biến GDPPC đại diện cho nhân tố GDP đầu người, biến CPI đại diện cho nhân tố lạm phát, biến TRADE đại diện cho độ mở thương mại, biến GOVEXP đại diện cho chi tiêu tiêu dùng cuối cùng của chính phủ, biến POP là chỉ tiêu tổng dân số.

Biến POV_{it-1} và POV_{it-2} là biến trễ với độ trễ 1 năm và 2 năm. Biến trễ sẽ cho phép mô hình đánh giá sự tác động cốt lõi của nghèo một cách động và để giải quyết hiệu ứng quán tính (inertia effects) (Rashid và Intartaglia, 2017).

ε_{it} là phần sai số trong mô hình

η_t là phần sai số do hiệu ứng cụ thể của quốc gia không được quan sát (unobserved country-specific effects)

v_{it} là phần sai số do quan sát cụ thể (observation-specific errors)

$i = 1, \dots, N$ là chỉ số thể hiện quốc gia

$t = 1, \dots, T$ là chỉ số đại diện cho thời gian (năm)

Quan điểm nhận được nhiều ý kiến ủng hộ và chiếm ưu thế nhất khi nghiên cứu về tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo là phát triển tài chính giúp giảm nghèo. Vì vậy, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết của nghiên cứu này như sau:

Giả thuyết H1: Phát triển tài chính nói chung giúp giảm nghèo.

Giả thuyết H2: Phát triển tài chính theo hướng định chế tài chính giúp giảm nghèo.

Giả thuyết H3: Phát triển tài chính thị trường tài chính giúp giảm nghèo.

3.2. Các biến số trong mô hình

Biến phụ thuộc - lnPOV1

Chỉ số nghèo được sử dụng là logarit tự nhiên của chỉ tiêu tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình trên đầu người. Chỉ số này có giá trị càng lớn thì tình trạng nghèo càng được giảm. Chỉ số này được lựa chọn thay vì các chỉ số khác vì nó có nhiều dữ liệu hơn và sẵn có trong thời gian nghiên cứu của mô hình. Nhiều nghiên cứu cũng sử dụng chỉ số này khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa phát triển tài chính và giảm nghèo có thể kể đến như: Odhiambo (2013), Sehwat và Giri (2016a, 2016b, 2016c, 2018), Dewi và cộng sự (2018), Majid và cộng sự (2017), Appiah và cộng sự (2020), Zheng và cộng sự (2020).

Biến giải thích

Nhóm tác giả sử dụng ba chỉ số để đo lường phát triển tài chính (FD) từ bộ dữ liệu phát triển tài chính từ IMF được xây dựng bởi Svirydzienka (2016). Các chỉ số này bao gồm: fd - phát triển tài chính nói chung, fi- chỉ số phát triển định chế tài chính, fm- chỉ số phát triển thị trường tài chính. Đây là bộ chỉ số mới và nó cho phép đánh giá toàn diện về hệ thống tài chính. Nhiều nghiên cứu về phát triển tài chính gần đây đã sử dụng bộ chỉ số này có thể kể đến như nghiên cứu của Khan và cộng sự (2019), Kavva và Shijin (2020), Wang và cộng sự (2020), Nguyen và Su (2021).

Biến kiểm soát

Để đánh giá tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo, nhóm tác giả kiểm soát những biến số có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ này theo những nghiên cứu trước. Các biến số này được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Khai báo các biến trong mô hình

Ký hiệu	Yếu tố đại diện	Kỳ vọng dấu	Kế thừa nghiên cứu trước
Biến phụ thuộc			
lnPOV	Chỉ tiêu tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình trên đầu người		Sehwat và Giri (2016c, 2018); Appiah và cộng sự (2020); Zheng và cộng sự (2020)
Biến giải thích			
FD	Chỉ số phát triển tài chính	+	Khan và cộng sự (2019); Kavva và Shijin (2020);

Ký hiệu	Yếu tố đại diện	Kỳ vọng dấu	Kế thừa nghiên cứu trước
			Nguyen và Su (2021); Wang và cộng sự (2020)
FI	Chỉ số phát triển định chế tài chính	+	
FM	Chỉ số phát triển thị trường tài chính	+	
Biến kiểm soát			
lnGDPPC	GDP bình quân đầu người	+	Rewilak (2017); Kaidi và Mensi (2020); Kaidi và cộng sự (2019); Zhang và Naceur (2019); Zheng và cộng sự (2020)
CPI	Lạm phát	-	Kaidi và Mensi (2019); Nurazia và Usman (2019); Appiah và cộng sự (2020); Bolarinwa và cộng sự (2021b); Haan và cộng sự (2021)
TRADE	Độ mở thương mại	+/-	Kaidi và Mensi (2020); Kaidi và cộng sự (2019); Zhang và Naceur (2019); Appiah và cộng sự (2020); Bolarinwa và cộng sự (2021b); Gnanngnon (2021)
GOVEXP	Chi tiêu tiêu dùng cuối cùng của chính phủ	+/-	Kaidi và Mensi (2020); Kaidi và cộng sự (2019); Zhang và Naceur (2019); Appiah và cộng sự (2020); Bolarinwa và cộng sự (2021a, b); Haan và cộng sự (2021)
POP	Tổng dân số	-	Kaidi và Mensi (2018, 2020)

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp (2022)

Biến công cụ

Ngoài sử dụng các biến CPI, GOVEXP, TRADE, POP, mô hình còn sử dụng biến INST - chất lượng thể chế với vai trò biến công cụ bên ngoài (external instruments). Nhiều nghiên cứu đã sử dụng chất lượng thể chế như biến công cụ khi đánh giá mối quan hệ giữa phát triển tài chính và giảm nghèo có thể kể đến như: Dhrifi (2013), Cepparulo và cộng sự (2017), Dwumfour và cộng sự (2017), Rashid và Intartaglia (2017), Bolarinwa và cộng sự (2021b), Gnanngnon (2021).

Chất lượng thể chế - INST

Được dùng để phản ánh thể chế chính trị quốc gia. Trong bộ chỉ số World Governance Indicators của World Bank, thể chế của từng quốc gia được đánh giá dựa trên sáu phương diện bao gồm: Quyền tự do ngôn luận và trách nhiệm giải trình, Sự ổn định chính trị và không có bạo lực hay khủng bố, Chất lượng chính sách ban hành bởi chính quyền, Luật pháp, Mức độ hiệu quả của chính quyền, Mức độ kiểm soát tham nhũng. Mức điểm số đánh giá của các chỉ tiêu trên được chuẩn hóa theo phân phối chuẩn và phân bố trong vùng $(-2,5; 2,5)$. Biến INST là giá trị trung bình mức điểm của sáu chỉ tiêu trên.

3.3. Phương pháp ước lượng hồi quy System GMM

Để ước lượng phương trình (1), nghiên cứu sử dụng phương pháp System GMM, một phiên bản được cải tiến từ đề xuất của Arellano và Bover (1995) và sau đó được Blundel và Bond (1998) phát triển thêm. Ước lượng System GMM được sử dụng trong nghiên cứu vì kiểm soát được hiệu quả các hiệu ứng không được quan sát theo từng quốc gia cụ thể, vấn đề nội sinh, bỏ sót biến và giảm thiểu vấn đề sai số đo lường.

Ngoài các biến công cụ bên trong (giá trị độ trễ của các biến giải thích), nghiên cứu cũng tận dụng các biến công cụ bên ngoài được sử dụng trong các nghiên cứu thực nghiệm của phát triển tài chính và tăng trưởng. Để trở thành một biến công cụ hợp lệ, bộ biến công cụ phải thỏa mãn điều kiện mô-men tổng thể được dùng trong quá trình ước lượng. Kiểm định Hansen về định dạng quá cao (overidentifying restrictions) được dùng để đánh giá tính hợp lệ của giả định này. Nếu thất bại trong việc bác bỏ giả thuyết không thì tính hợp lệ tổng thể của biến công cụ được ủng hộ, do đó, kiểm định cần cho ra kết quả p_value lớn hơn 5%. Ngoài ra, để ước lượng GMM nhất quán thì cần phải có thêm một giả định là phần sai số vit không được có hiện tượng tự tương quan lớn hơn bậc một. Kiểm định Arellano-Bond được sử dụng để kiểm tra giả định này, với giả thuyết không là không có hiện tượng tự tương quan.

3.4. Dữ liệu nghiên cứu

Về thời gian, nhóm tác giả chọn khoảng 1996 – 2019, vì trước năm 1996 thì phần lớn dữ liệu về hệ thống tài chính của các quốc gia châu Á không được ghi nhận đầy đủ hoặc chưa được phát triển để ghi nhận dữ liệu. Ngoài ra, một trong các biến chính của mô hình nghiên cứu là Chất lượng thể chế (INST) được thu thập từ bộ dữ liệu World Governance Indicators (WGI) của WB chỉ có dữ liệu từ năm 1996 và bộ dữ liệu của biến Phát triển tài chính (FD) chỉ đến năm 2019. Dù mẫu châu Á có 49 quốc gia nhưng một số quốc gia do điều kiện khách quan không thể tiếp cận được số liệu nên không đưa vào mẫu quan sát nên mẫu đưa vào mô hình gồm 37 quốc gia.

4. Kết quả mô hình hồi quy đo lường tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo tại các quốc gia châu Á

4.1. Thống kê mô tả

Thống kê mô tả các biến trong mẫu nghiên cứu ở phụ lục 1 cho thấy nhóm biến giải thích (FD, FI, FM) và biến lnPOP có số quan sát nhiều nhất là 1,056, các biến LNGDPPC, CPI, GOVEXP, TRADE cũng có số quan sát nhiều thứ hai lần lượt là 1,047, 956, 981, và 993. Biến phụ thuộc (lnPOV) có số quan sát ít hơn so với hai biến còn lại nhưng tương đối đầy đủ với số quan sát là 789.

Đối với nhóm biến phụ thuộc, giá trị trung bình (mean) của lnPOV là 7.962791, giá trị trung vị (median) của biến này là 7.862017. Như vậy có thể nhận xét rằng các giá trị của biến

phụ thuộc có phân phối lệch phải (mean > median). Tương tự, giá trị của các biến giải thích (FD, FI, FM) có phân phối lệch phải. Cả ba chỉ số FD, FI, FM đều có giá trị nhỏ nhất bằng 0. Trong đó, chỉ số FI chiếm tỷ lệ nhiều hơn so với FM, gần 35,87% so với gần 26,27%, ngụ ý rằng phát triển tài chính theo hướng định chế tài chính nhiều hơn so với phát triển tài chính theo định hướng thị trường tài chính. Nhóm biến kiểm soát nhìn chung có sự chênh lệch lớn giữa giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất. Trong đó, chỉ số lạm phát CPI và chỉ số thương mại TRADE có sự chênh lệch lớn nhất và đều chiếm tỉ lệ hơn 90, phản ánh sự phát triển kinh tế không đồng đều giữa 37 quốc gia Châu Á.

4.2. Ma trận tương quan

Kiểm định ma trận tương quan để đảm bảo rằng mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến làm sai lệch kết quả, mức ý nghĩa và hệ số hồi quy của các biến trong mô hình. Một mô hình xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến nếu hệ số tương quan giữa các biến giải thích lớn hơn 0.7.

Phụ lục 2 mô tả về hệ số tương quan Pearson giữa các biến trong mô hình. Các biến phát triển tài chính, phát triển tài chính theo hướng định chế tài chính, và phát triển tài chính theo hướng thị trường tài chính lần lượt là FD, FI và FM đều tương quan dương mạnh với chỉ số nghèo tiêu thụ lnPOV1 và các biến trễ L1.lnPOV1 và L2.lnPOV2 của nó ở mức ý nghĩa 1%. Điều này chứng tỏ phát triển tài chính dẫn đến giảm nghèo tiêu thụ. Ngoài ra biến lnGDPPC cũng có sự tương quan dương mạnh ở mức ý nghĩa 1% với các biến trên đúng như kỳ vọng. Điều này chứng tỏ sự phát triển của nền kinh tế là động lực lớn cho giảm nghèo và phát triển tài chính. Các biến còn lại trong ma trận đều cho thấy các hệ số tương quan ở mức bình thường vì không có biến nào có hệ số tương quan lớn hơn 0.5 và tương quan dương (âm) đúng với kỳ vọng.

Tuy nhiên, các biến phụ thuộc và độc lập có sự tương quan dương mạnh nên các hiện tượng tự tương quan và đa cộng tuyến có khả năng lớn xảy ra. Vì những hiện tượng này có thể dẫn đến sai lệch kết quả nghiên cứu nên mô hình System GMM được sử dụng là phù hợp để kiểm soát hiện tượng này (Arellano và Bover, 1995; Blundel và Bond, 1998).

4.3. Mô hình hồi quy System GMM

Dựa vào lý thuyết và các nghiên cứu trước, nhóm tác giả phát hiện ra vấn đề nội sinh tiềm năng có thể xảy ra với biến trễ của biến phụ thuộc giảm nghèo và các biến độc lập phát triển tài chính FD, biến đại diện cho phát triển kinh tế lnGDPPC. Để có thể khắc phục cho vấn đề này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp ước lượng System GMM. Kết quả kiểm định chỉ ra rằng các giá trị p của AR (1) và AR (2) có tự tương quan bậc nhất cao và không có bằng chứng cho thấy hiện tượng tự tương quan bậc hai đáng kể, cho thấy rằng tất cả các mô hình được sử dụng là phù hợp. Giá trị p của các kiểm định thống kê Sargan và Hansen cho thấy không thể bác bỏ giả thuyết rằng các biến công cụ được sử dụng là biến ngoại sinh, chứng tỏ điều kiện về định dạng quá cao trong mô hình (overidentifying restrictions) được đảm bảo.

Bảng 2. Kết quả hồi quy System GMM

		FD	FI	FM
Biến trễ của biến phụ thuộc	L1.lnPOV	1.3487***	1.0345***	1.3386***
		(0.1616)	(0.2623)	(0.3186)
	L2.lnPOV	-0.3505**	0.0061	-0.3462
		(0.1573)	(0.2605)	(0.2548)

		FD	FI	FM
Nhóm biến kiểm soát	lnGDPPC	-0.0717 (0.0594)	-0.1122* (0.0605)	0.0201 (0.0671)
	CPI	0.0000 (0.0001)	-0.0002* (0.0001)	-0.0002 (0.0002)
	GOVEXP	-0.0008*** (0.0002)	-0.0005 (0.0005)	-0.0002 (0.0005)
	TRADE	-0.0002* (0.0001)	0.0001 (0.0001)	0.0001 (0.0001)
	lnPOP	-0.0273* (0.1476)	-0.0107* (0.0062)	0.0084 (0.0101)
	Year Fixed Effect	Có	Có	Có
	_cons	0.9582* (0.4869)	0.7059** (0.3345)	-0.186 (0.3415)
	Number of intruments	17	17	17
	Number of countries	37	37	37
	Sargan test	0.421	0.269	0.191
		Hansen test	0.780	0.809
		AR(1)	0.069	0.153
		AR(2)	0.222	0.517
		Observations	662	662
<i>Trong dấu ngoặc đơn là t-statistic. (***), (**), (*) thể hiện các mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%</i> <i>Trong đó: L1.POV là chỉ số đo nghèo với độ trễ 1 năm, L2.POV là chỉ số đo nghèo với độ trễ 2 năm, lnGDPPC là logarit tự nhiên của GDP đầu người, CPI thể hiện lạm phát, GOVEXP là chỉ số đo chi tiêu chính phủ, TRADE thể hiện độ mở thương mại, lnPOP là logarit tự nhiên của tổng dân số. Sử dụng độ trễ lag của biến trễ là lag (3,4).</i>				

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp dựa trên kết quả xử lý dữ liệu

Với biến phát triển tài chính, kết quả bảng 2 cho thấy với biến trễ System GMM cho thấy biến *FD* có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%. Hệ số hồi quy mang giá trị dương, cho thấy rằng có sự tác động thuận chiều của phát triển tài chính đến biến giảm nghèo. Điều này thể hiện rằng phát triển tài chính có thể giúp giảm tình trạng nghèo của các nước. Kết quả này đồng nhất với Odhiambo (2010), Jeanneney và Kpodar (2011), Boukhatem (2015), Donou-Adonsou và Sylwester (2016), Kiendrebeogo và Minea (2016), Bayar (2017), Rashid và Intartaglia (2017).

Kết quả hồi quy cũng cho thấy rằng biến *phát triển định chế tài chính FI* có mức ý nghĩa 10%. Biến phát triển trung tâm tài chính bao gồm các khía cạnh về chiều sâu, khả năng tiếp cận và hiệu quả của các tổ chức tài chính. Hệ số hồi quy dương ở mô hình cho thấy sự tác động

cùng chiều với biến giảm nghèo trong nghiên cứu, đồng nghĩa với việc sự phát triển của các định chế tài chính càng nhiều thì tác động đến giảm nghèo càng cao. Kết quả này đúng với kì vọng đầu ban đầu mà nhóm tác giả đề ra và cũng nhất quán với kết quả của những nghiên cứu trước của Beck và cộng sự (2007), Akhter và cộng sự (2010), Jeanneney và Kpodar (2011), Bayar (2017) và Rashid và Intartaglie (2017).

Nhìn chung, *phát triển tài chính và phát triển tổ chức tài chính* có tác động tích cực đến giảm nghèo. Quan điểm của Fowowe và Abidoye (2013) giải thích kết quả này khi cho rằng sự phát triển của khu vực tài chính sẽ giúp cho người nghèo có thể giảm bớt hạn chế tín dụng của họ và giúp họ có thêm cơ hội để có những đầu tư hiệu quả. Khi khả năng truy cập tín dụng được gia tăng thì các hộ gia đình nghèo có thêm khả năng chi tiêu nhiều hơn cho tiêu thụ và cải thiện phúc lợi của họ. Quan điểm này cũng tương đồng với ý kiến của Demirgüç-Kunt và Levine (2009) rằng phát triển tài chính có thể giúp giảm nghèo bằng cách mở rộng dịch vụ tài chính đến những người nghèo mà trước kia không truy cập được. Ngoài ra, Beck và cộng sự (2007) cũng chỉ ra rằng sự mở rộng của khu vực tài chính cũng sẽ dẫn đến sự cạnh tranh với nhiều đối thủ hơn, làm cho sự cạnh tranh trong khu vực tài chính tăng cao. Điều này sẽ giúp các dịch vụ và sản phẩm tài chính được cung cấp tốt hơn, giúp cho chất lượng cuộc sống của các hộ gia đình nghèo được cải thiện. Không những vậy, các trung gian tài chính còn giúp giảm rủi ro, các vấn đề liên quan đến thông tin bất cân xứng trong thị trường tài chính, và giúp tạo ra một môi trường kinh tế vĩ mô ổn định và có lợi hơn cho người nghèo (Fowowe và Abidoye, 2013). Rajan và Zingales (2003) có một quan điểm khác trong giải thích kết quả này khi cho rằng các tổ chức tài chính ngày càng phát triển và lớn mạnh hơn thì sẽ có khả năng chịu chi phí cao hơn từ các khoản tín dụng nhỏ từ người nghèo. Nghiên cứu của Levine (2005) lập luận rằng phát triển tài chính sẽ làm giảm đi thông tin bất cân xứng và chi phí giao dịch, từ đó giúp các đại diện kinh tế (economic agents) có được cơ hội đầu tư sinh lời tốt hơn, từ đó dẫn đến cải thiện sự phân bổ các nguồn tài nguyên.

Tuy nhiên, *biến giải thích FM - đại diện cho phát triển thị trường tài chính* - lại không có ý nghĩa thống kê trong mô hình. Hệ số hồi quy của biến phát triển thị trường tài chính mang dấu âm, nhưng lại không có ý nghĩa thống kê trong mô hình. Điều này cho thấy rằng phát triển thị trường tài chính không ảnh hưởng đến giảm nghèo tiêu dùng trong mô hình. Kết quả này giống với kết quả các nghiên cứu của Honohan (2004), Seven và Coskun (2016), Rashid và Intartaglia (2017). Seven và Coskun (2016) giải thích cho kết quả này khi cho rằng thị trường tài chính thường có lợi hơn cho các tập đoàn lớn và lâu năm, vì chi phí để phát hành cổ phiếu là khá lớn. Vì vậy, các công ty nhỏ và doanh nghiệp bị hạn chế về mặt tài chính phải dựa vào của cải cá nhân và nguồn tài nguyên nội bộ để đầu tư. Quan điểm của Kaidi và cộng sự (2017) thì lại giải thích rằng sự rối loạn chức năng của thị trường tài chính có thể gây ra sự bất bình đẳng trong phân phối nguồn vốn. Truy cập vào thị trường tài chính được giới hạn cho các công ty, dẫn đến các hộ gia đình không thu được lợi ích từ sự phát triển của thị trường tài chính.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận vấn đề nghiên cứu

Nghiên cứu đánh giá tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo qua bộ dữ liệu của 37 quốc gia ở châu Á trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2019 bằng phương pháp GMM. Cụ thể, nhóm tác giả xem xét hai tác động chính: phát triển tài chính và giảm nghèo

(trong đó đánh giá chi tiết liệu giảm nghèo được tác động qua phát triển định chế tài chính hay thị trường tài chính thuộc phát triển tài chính).

Theo các nghiên cứu trước, có ba trường phái lý thuyết chính về tác động của phát triển tài chính đến giảm nghèo. Liên quan đến lý thuyết phát triển tài chính dẫn đến nghèo, nguyên nhân chủ yếu là do ở các nước đang phát triển sự khuyết tật và không hoàn hảo của thị trường tài chính có mức độ cao, vì thế, tỉ lệ nghèo vẫn tăng dù có sự phát triển tài chính. Mặt khác, có những lý thuyết khác lại cho rằng phát triển tài chính có tác động làm giảm nghèo. Cụ thể, phát triển tài chính sẽ ảnh hưởng trực tiếp giảm nghèo bằng cách giúp cho người nghèo có khả năng truy cập vốn cho các hoạt động kinh tế của họ hoặc ảnh hưởng gián tiếp đến giảm nghèo thông qua tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, cũng tồn tại lý thuyết cho rằng tồn tại cả hai tác động trên của phát triển tài chính đến giảm nghèo dựa vào mức độ phát triển của phát triển tài chính.

Như đã đề cập ở trên, để kiểm tra các mối quan hệ tuyến tính giữa phát triển tài chính và giảm nghèo, nhóm tác giả áp dụng mô hình GMM. Kết quả hồi quy thể hiện cho thấy có tồn tại tác động tích cực của phát triển tài chính lên giảm nghèo. Trong ba biến được giải thích ở mô hình, cụ thể là phát triển tài chính, phát triển thị trường tài chính và phát triển định chế tài chính, biến không có ý nghĩa thống kê là phát triển tài chính theo hướng thị trường. Với biến chỉ số phát triển tài chính, hệ số hồi quy mang dấu dương, thể hiện sự cùng chiều với biến giảm nghèo. Nói cách khác, khi có sự phát triển tài chính thì tỷ lệ giảm nghèo sẽ được cải thiện. Để hiểu rõ hơn, đâu là yếu tố trong phát triển tài chính đã thực sự ảnh hưởng đến giảm nghèo, nhóm tác giả đã xem xét trên hai phương diện: thị trường tài chính và định chế tài chính. Kết quả cho thấy giảm nghèo được tác động tích cực bằng cách phát triển định chế tài chính. Tác động tích cực của phát triển định chế tài chính đối với giảm nghèo cũng thống nhất với nghiên cứu của Bayar (2017). Riêng phát triển thị trường tài chính không có ảnh hưởng đến tỷ lệ nghèo ở các quốc gia được kiểm tra. Sự không ảnh hưởng này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của Seven và Coskun (2016), Kaidi và Mensi (2017).

5.2. Một số khuyến nghị

5.2.1. Đối với phát triển định chế tài chính

Thông tin bất cân xứng

Sự bất cân xứng thông tin giữa người cho vay và người đi vay ảnh hưởng đến phát triển tài chính do làm giảm phân bổ vốn hiệu quả (Jappelli và Pagano, 2002). Người cho vay thường phải đối mặt với các vấn đề bất lợi do họ thiếu thông tin về đặc điểm của người đi vay, đặc biệt là rủi ro liên quan đến khoản đầu tư mà người đi vay muốn huy động các nguồn tài chính hoặc không thể kiểm soát được hành động của người vay sau khi đã được cấp tín dụng. Để giảm lượng thông tin bất cân xứng, Nhà nước cần xây dựng và đảm bảo hành lang pháp lý từ khoản vay nhỏ nhất, nhằm tăng độ tin cậy vào người nghèo của các định chế tài chính với việc cho vay vốn. Bên cạnh đó, không chỉ tập trung vào các đối tượng nghèo, Nhà nước cũng cần đẩy mạnh thay đổi đối với mọi đối tượng thông qua giáo dục, tuyên truyền, giúp thông tin được minh bạch nhất.

Tiếp cận các dịch vụ tài chính

Có nhiều lý do dẫn đến việc người nghèo khó tiếp cận các dịch vụ tài chính. Người nghèo thường không có khả năng chứng minh năng lực tài chính của mình: không có người bảo lãnh hay tài sản thế chấp. Họ cũng thường không có công việc ổn định hay tài khoản tiết kiệm tại ngân hàng. Vì thế, sẽ có rất ít cơ hội để người nghèo tự tìm hiểu hoặc được giới thiệu để sử

dụng hiệu quả các dịch vụ tài chính. Tuy nhiên, các dịch vụ tài chính là một nguồn cung tiền chính thống với chi phí thấp hơn cho người nghèo so với các tổ chức không chính thống. Cũng vì vậy mà chính phủ cũng có thể xem xét tình hình tài chính, phân bổ ngân sách, hỗ trợ hoặc tài trợ cho các tổ chức tài chính có những chương trình dành riêng cho người nghèo. Ngoài ra, người nghèo nên được tiếp cận trực tiếp đến nguồn tiền vay mượn từ các dịch vụ tài chính hỗ trợ thay vì qua thêm một trung gian (tránh rủi ro khi vay mượn và được vay với chi phí thấp nhất). Chính vì thế, các tổ chức tài chính cần nâng cao năng lực quản lý và nỗ lực tiếp cận những người nghèo bằng nhiều cách, để mục đích giảm nghèo hiệu quả hơn. Các chính phủ cũng cần tập trung nâng cao phổ cập tài chính - một yếu tố đáng được quan tâm để hoàn thiện hệ thống tài chính. Gần đây, phổ cập tài chính (làm tăng độ tiếp cận của người dân đến hệ thống tài chính) là một yếu tố cần thiết giúp làm giảm nghèo và cải thiện tăng trưởng kinh tế. Phổ cập tài chính giúp hệ thống tài chính trở nên phù hợp hơn và dễ tiếp cận hơn cho nhiều đối tượng khác nhau, đặc biệt là đối với nhóm cá nhân và tổ chức yếu thế, chưa được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính chính thống. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần tuyên dương, ủng hộ, khích lệ những tổ chức tài chính cung cấp các dịch vụ dành riêng cho người nghèo để nâng cao tinh thần hỗ trợ giảm nghèo.

5.2.2. Đối với phát triển thị trường tài chính

Dựa vào kết quả của nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất cần thúc đẩy phát triển theo định hướng thị trường bằng cách mở ra các kênh tài chính mới, giúp phát triển các hoạt động đầu tư mới hoặc tạo ra các công cụ mới. Ví dụ, cung cấp một phương tiện chuyên dụng phát hành trái phiếu trên thị trường nội địa có thể là một cách hữu ích để hướng các khoản tiết kiệm chưa sử dụng hết vào đầu tư hoặc tránh rủi ro. Ngoài ra, cũng cần có những cải thiện liên quan đến hiện đại hóa kỹ thuật trong phát triển thị trường tài chính. Hầu hết các giao dịch trên thị trường tài chính đều đòi hỏi cần có những điều kiện nhất định để đảm bảo được thực hiện. Và với công nghệ hiện đại, các giao dịch đó sẽ dễ dàng thực hiện hơn và dễ dàng tiếp cận hơn. Vì thế, việc đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng cho thị trường tài chính là cần thiết với mục đích tiếp cận được đến người nghèo là ưu tiên. Đồng thời, cần tăng cường khả năng tiếp cận thị trường cho các nhà đầu tư nhỏ, cụ thể ở đây là các đối tượng nghèo, qua đó tạo cơ hội tham gia vào các thị trường khác nhau, giảm thiểu rủi ro cho đối tượng.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu

Dù nhóm tác giả đã cố gắng khắc phục những thiếu sót ở các nghiên cứu trước, nghiên cứu vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa được giải quyết triệt để như (1) biến nghèo nhóm tác giả sử dụng vẫn chưa thỏa mãn được mối quan tâm đối với nghèo đa chiều. Đồng thời, biến nghèo tiêu dùng này cũng chưa thể hiện được hai khía cạnh nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối của các quốc gia đang nghiên cứu. (2) nghiên cứu chưa xem xét cụ thể tác động của bốn khía cạnh của phát triển tài chính (độ sâu, độ tiếp cận, độ hiệu quả, độ ổn định) đến giảm nghèo. Vì vậy, các nghiên cứu sau có thể sử dụng những biến đại diện khác cho nghèo và các chỉ số của bốn khía cạnh của phát triển tài chính để đánh giá cụ thể hơn về tác động của phát triển tài chính đối với giảm nghèo.

Tài liệu tham khảo

- Akhter, S., Liu, Y., & Daly, K. (2010), "Cross country evidence on the linkages between financial development and poverty", *International Journal of Business and Management*, Vol. 5 No. 1, p. 3.
- Appiah, M., Frowne, D. I., & Tetteh, D. (2020), "Re-examining the Nexus Between Financial Development and Poverty Reduction: Evidence from Emerging Economies", *Applied Economics Journal*, Vol. 27 No. 2, pp. 125-144.
- Arellano, M., & Bover, O. (1995), "Another look at the instrumental variable estimation of error-components models", *Journal of econometrics*, Vol. 68 No. 1, pp. 29-51.
- Azam, A., Mehmood, K. A., Latif, N., Faridi, M. Z., & Aurmaghan, M. (2020), "Financial Development and Poverty Mitigation: Evidence From Pakistan", *International Journal of Management*, Vol. 11 No. 8.
- Bayar, Y. (2017), "Financial development and poverty reduction in emerging market economies", *Panoeconomicus*, Vol. 64 No. 5, pp. 593-606.
- Beck, T., Demirgüç-Kunt, A., & Levine, R. (2007), "Finance, inequality and the poor", *Journal of economic growth*, Vol. 12 No. 1, pp. 27-49.
- Beck, T., Demirguc-Kunt, A., & Peria, M. S. M. (2007), "Reaching out: Access to and use of banking services across countries", *Journal of financial economics*, Vol. 85 No. 1, pp. 234-266.
- Bolarinwa, S. T., Adegboye, A. A., & Vo, X. V. (2021), "Is there a nonlinear relationship between financial development and poverty in Africa?", *Journal of Economic Studies*.
- Bolarinwa, S. T., Olaoye, O. O., Ullah, W., & Agbi, B. (2021), "Does Financial Development Really Matter for Poverty Reduction in Africa?", *Forum for Social Economics*, pp. 1-19.
- Boukhatem, J. (2016), "Assessing the direct effect of financial development on poverty reduction in a panel of low-and middle-income countries", *International Business and Finance*, Vol. 37, pp. 214-230.
- Bui, T. N. (2020), "Financial development in Vietnam: An overview", *The Journal of Asian Finance, Economics, and Business*, Vol. 7 No. 9, pp. 169-178.
- Cepparulo, A., Cuestas, J. C., & Intartaglia, M. (2017), "Financial development, institutions, and poverty alleviation: an empirical analysis", *Applied Economics*, Vol. 49 No. 36, pp. 3611-3622.
- Čihák, M., Demirgüç-Kunt, A., Feyen, E., & Levine, R. (2012), "Benchmarking financial systems around the world", *World Bank policy research working paper*, No. 6175.
- Demirgüç-Kunt, A., & Levine, R. (2009), "Finance and inequality: Theory and evidence", *Annu. Rev. Financ. Econ.*, Vol. 1 No. 1, pp. 287-318.
- De Haan, J., Pleninger, R., & Sturm, J. E. (2021), "Does financial development reduce the poverty gap?", *Social Indicators Research*, pp. 1-27.

- Dewi, S., Majid, M. S. A., Aliasuddin, A., & Kassim, S. H. (2018), "Dynamics of financial development, economic growth and poverty alleviation: The Indonesian experience", *The South East European Journal of Economics and Business*, Vol. 13 No. 1, pp. 17-30.
- Dhrifi, A., & Maktouf, S. (2013), "Financial liberalization and poverty: the threshold effect of financial development", *International Journal of Business and Management Invention*, Vol. 2 No. 11, pp. 1-10.
- Donou-Adonsou, F., & Sylwester, K. (2016), "Financial development and poverty reduction in developing countries: New evidence from banks and microfinance institutions", *Review of development finance*, Vol. 6 No. 1, pp. 82-90.
- Dwumfour, R. A., Agbloyor, E. K., & Abor, J. Y. (2017), "Correlates of poverty in Africa: Exploring the roles of remittances, financial development, and natural resources", *International Journal of Social Economics*.
- Fowowe, B., & Abidoye, B. (2013), "The effect of financial development on poverty and inequality in African countries", *The Manchester School*, Vol. 81 No. 4, pp. 562-585.
- Gnangnon, S. K. (2021), "Effect of poverty on financial development: Does trade openness matter?", *The Quarterly Review of Economics and Finance*, Vol. 82, pp. 97-112.
- Hansen, B. E. (1999), "Threshold effects in non-dynamic panels: Estimation, testing, and inference", *Journal of econometrics*, Vol. 93 No. 2, pp. 345-368.
- Ho, S. Y., & Odhiambo, N. M. (2011), "Finance and poverty reduction in China: an empirical investigation", *International Business & Economics Research Journal (IBER)*, Vol. 10 No. 8, pp. 103-114.
- Honohan, P. (2004), "Financial development, growth and poverty: how close are the links?", *Financial development and economic growth*, pp. 1-37.
- Jalilian, H., & Kirkpatrick, C. (2002), "Financial development and poverty reduction in developing countries", *International journal of finance & economics*, Vol. 7 No. 2, pp. 97-108.
- Jalilian, H., & Kirkpatrick, C. (2005), "Does financial development contribute to poverty reduction?", *Journal of development studies*, Vol. 41 No. 4, pp. 636-656.
- Jeanneney, S. G., & Kpodar, K. (2011), "Financial Development and Poverty Reduction: Can There be a Benefit without a Cost?", *Journal of Development Studies*, Vol. 47 No. 1, pp. 143-163.
- Guillaumont Jeanneney, S., & Kpodar, K. (2011), "Financial development, financial instability and poverty".
- Jolliffe, D., & Prydz, E. B. (2016), "Estimating international poverty lines from comparable national thresholds", *The Journal of Economic Inequality*, Vol. 14 No. 2, pp. 185-198.
- Kaidi, N., & Mensi, S. (2017), "Re-examining the financial development and poverty nexus: some international evidence", *International Journal of Social Economics*.
- Kaidi, N., & Mensi, S. (2018), "Financial Development and Poverty Reduction: A Study of Middle-Income Countries", *Economic Research Forum Working Papers*, No. 1216.

- Kaidi, N., & Mensi, S. (2020), "Financial development, income inequality, and poverty reduction: democratic versus autocratic countries", *Journal of the Knowledge Economy*, Vol. 11 No. 4, pp. 1358-1381.
- Kaidi, N., Mensi, S., & Ben Amor, M. (2019), "Financial development, institutional quality and poverty reduction: Worldwide evidence", *Social Indicators Research*, Vol. 141 No. 1, pp. 131-156.
- Kavya, T. B., & Shijin, S. (2020), "Economic development, financial development, and income inequality nexus", *Borsa Istanbul Review*, Vol. 20 No. 1, pp. 80-93.
- Khaki, A. R. (2017), "Does access to finance alleviate poverty? A case study of SGSY beneficiaries in Kashmir Valley", *International Journal of Social Economics*.
- Khan, A. D., Ahmad, I., & Jan, W. U. (2012), "Financial development and poverty alleviation: time series evidence from Pakistan", *World Applied Sciences Journal*, Vol. 18 No. 11, pp. 1576-1581.
- Khan, M. A., Khan, M. A., Abdulahi, M. E., Liaqat, I., & Shah, S. S. H. (2019), "Institutional quality and financial development: The United States perspective", *Journal of Multinational Financial Management*, Vol. 49, pp. 67-80.
- Kheir, V. B. (2018), "The nexus between financial development and poverty reduction in Egypt", *Review of Economics and Political Science*.
- Keho, Y. (2017), "Financial development and poverty reduction: evidence from selected African countries", *International Journal of Financial Research*, Vol. 8 No. 4, pp. 90-98.
- Kiendrebeogo, Y., & Minea, A. (2016), "Financial development and poverty: evidence from the CFA Franc Zone", *Applied Economics*, Vol. 48 No. 56, pp. 5421-5436.
- Kirkpatrick, C., Sirageldin, I., & Aftab, K. (2000), "Financial development, economic growth, and poverty reduction [with Comments]", *The Pakistan development review*, pp. 363-388.
- Korankye, B., Wen, Z., Appiah, M., & Antwi, L. (2021), "The Nexus Between Financial Development, Economic Growth and Poverty Alleviation: PMG-ARDL Estimation", *ETIKONOMI*, Vol. 20 No. 1, pp. 1-12.
- Levine, R. (2005), "Finance and Growth: Theory and Evidence in Handbook of Economic Growth, Eds. Philippe Aghion and Steven Durlauf", *Elsevier North% Holland. Publishers*, Vol. 866, p. 934.
- McKinnon, R. (1973), "Money and Capital in Economic Development", *The Brooking Institution*, Washington, D.C.
- Ndlovu, G., & Toerien, F. (2020), "The distributional impact of access to finance on poverty: Evidence from selected countries in Sub-Saharan Africa", *International Business and Finance*, Vol. 52, p. 101190.
- Nguyen, C. P., & Su, T. D. (2021), "Easing economic vulnerability: Multidimensional evidence of financial development", *The Quarterly Review of Economics and Finance*, Vol. 81, pp. 237-252.

- Nurazi, R., & Usman, B. (2019), "Impact of Financial Development on Income Inequality and Poverty in ASEAN", *Institutions and Economies*, pp. 1-38.
- Odhiambo, N. M. (2010), "Is financial development a spur to poverty reduction? Kenya's experience", *Journal of Economic Studies*.
- Odhiambo, N. M. (2010), "Financial deepening and poverty reduction in Zambia: an empirical investigation", *International journal of social economics*.
- Odhiambo, N. M. (2013), "Is financial development pro-poor or pro-rich? Empirical evidence from Tanzania", *Journal of Development Effectiveness*, Vol. 5 No. 4, pp. 489-500.
- Pradhan, R. P., Arvin, M. B., Hall, J. H., & Bahmani, S. (2014), "Causal nexus between economic growth, banking sector development, stock market development, and other macroeconomic variables: The case of ASEAN countries", *Review of Financial Economics*, Vol. 23 No. 4, pp. 155–173.
- Rajan, R. G., & Zingales, L. (2003), "The great reversals: the politics of financial development in the twentieth century", *Journal of financial economics*, Vol. 69 No. 1, pp. 5-50.
- Rashid, A., & Intartaglia, M. (2017), "Financial development–does it lessen poverty?", *Journal of Economic Studies*.
- Rehman, I. U., & Shahbaz, M. (2014), "Multivariate-based Granger causality between financial deepening and poverty: the case of Pakistan", *Quality & Quantity*, Vol. 48 No. 6, pp. 3221-3241.
- Rewilak, J. (2017), "The role of financial development in poverty reduction", *Review of development finance*, Vol. 7 No. 2, pp. 169-176.
- Sehrawat, M., & Giri, A. K. (2016), "Financial development and poverty reduction: panel data analysis of South Asian countries", *International Journal of Social Economics*.
- Sehrawat, M., & Giri, A. K. (2016), "Financial development and poverty reduction in India: an empirical investigation", *International Journal of Social Economics*.
- Sehrawat, M., & Giri, A. K. (2016), "Financial development, poverty and rural-urban income inequality: evidence from South Asian countries", *Quality & Quantity*, Vol. 50 No. 2, pp. 577-590.
- Sehrawat, M., & Giri, A. K. (2018), "The impact of financial development, economic growth, income inequality on poverty: evidence from India", *Empirical Economics*, Vol. 55 No. 4, pp. 1585-1602.
- Seven, U., & Coskun, Y. (2016), "Does financial development reduce income inequality and poverty? Evidence from emerging countries", *Emerging Markets Review*, 26, 34-63.
- Shahbaz, M. (2009). Financial performance and earnings of poor people: a case study of Pakistan. *Journal of Yaşar University*, Vol. 4 No. 16, pp. 2557-2572.
- Stiglitz, J. E., & Weiss, A. (1981), "Credit rationing in markets with imperfect information", *The American economic review*, Vol. 71 No. 3, pp. 393-410.

- Toda, H. Y., & Yamamoto, T. (1995), “Statistical inference in vector autoregressions with possibly integrated processes”, *Journal of econometrics*, Vol. 66 No. 1-2, pp. 225-250.
- Tsaurai, K. (2020), “Financial development-poverty reduction nexus in BRICS: A panel data analysis approach”, *Applied Econometrics and International Development*, Vol. 20 No. 2, pp. 19-32.
- UNDP. (2021), “Human Development Report 2021”, *UNDP*, Available at https://hdr.undp.org/en/content/human-development-indexhdi?fbclid=IwAR0GKLWo7kfPgU5SMKCuX2ScPKTxgL44JSNwRfM_V61JAKVVe-RHDzRs5vI.
- UN (2022), “The 17 Goals”, *UN*, Available at <https://sdgs.un.org/goals>.
- Wang, L., Vo, X. V., Shahbaz, M., & Ak, A. (2020), “Globalization and carbon emissions: is there any role of agriculture value-added, financial development, and natural resource rent in the aftermath of COP21?”, *Journal of Environmental Management*, Vol. 268, p. 110712.
- WB. (2000), “World development report 2000/2001: Attacking poverty”, *The World Bank*.
- WB. (2012), “Global financial development report 2013: Rethinking the role of the state in finance”, *The World Bank*.
- WB. (2022), “Metadata Glossary”, <https://databank.worldbank.org/metadataglossary/world-development-indicators/series/NE.CON.PRVT.PC.KD>.
- WB. (2022), “Measuring Poverty”, <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/20f02031de132cc3d76b91b5ed8737d0-0050012017/related/lecture-14-1.pdf>.
- Yaya, K. E. H. O. (2016), “Revisiting the financial development and poverty reduction nexus for Sub-Saharan African countries: evidence from causality tests in the time and frequency domains”, *International Journal of Economics and Financial Issues*, Vol. 6 No. 4, pp. 1906-1910.
- Zhang, R., & Naceur, S. B. (2019), “Financial development, inequality, and poverty: Some international evidence”, *International Review of Economics & Finance*, Vol. 61, pp. 1-16.

Phụ lục

Phụ lục 1. Thống kê mô tả các biến được sử dụng trong mô hình

Nhóm biến	Tên biến	N	Mean	S.D. Dev.	Min	Median	Max
Nhóm biến phụ thuộc	lnPOV	789	7.9628	1.1455	5.8851	7.8620	10.6816
Nhóm biến giải thích	FD	1,056	0.3176	0.2002	0	0.2974	0.9007
	FI	1,056	0.3587	0.1787	0	0.3324	0.9320
	FM	1,056	0.2667	0.2514	0	0.1962	0.8960
Nhóm biến kiểm soát	lnGDPPC	1,047	8.4178	1.3775	5.4731	8.2254	11.0841
	CPI	956	93.0246	40.7399	2.3521	93.0545	550.9294
	GOVEXP	981	15.5055	12.4106	3.4603	13.2119	147.7189
	TRADE	993	91.2110	57.3072	11.8554	81.8492	437.3267
	lnPOP	1,056	16.3810	1.9499	12.4653	16.1700	21.0653

Nguồn: Nhóm tác giả (2022)

Phụ lục 2. Ma trận tương quan giữa các biến được sử dụng trong mô hình

	lnPOV	FD	FI	FM	lnGDPPC	CPI	GOVEXP
lnPOV	1.0000						
FD	0.7179*	1.0000					
FI	0.7517*	0.9030*	1.0000				
FM	0.5498*	0.9304*	0.6827*	1.0000			
lnGDPPC	0.9660*	0.6461*	0.6236*	0.5646*	1.0000		
CPI	0.2397*	0.2779*	0.3433*	0.1828*	0.3518*	1.0000	
GOVEXP	0.0521	-0.0297	-0.0063	-0.0436	0.1216*	0.0683*	1.0000
TRADE	0.3610*	0.2507*	0.2145*	0.2389*	0.3776*	0.1373*	0.0816*
lnPOP	-0.3299*	0.2110*	0.1025*	0.2714*	-0.3596*	-0.0184	-0.3466*
	TRADE	lnPOP					
TRADE	1.0000						
lnPOP	-0.4663*	1.0000					

Nguồn: Nhóm tác giả (2022)